

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 233/2023/HS-ST

Ngày: 28/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền

Bà Phan Thị Dòn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Pháp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 233/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hồ Thanh N, Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/11/2002, tại: tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký thường trú: Khóm M, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Hồ Văn S và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 24/6/2021, Hồ Thanh N bị Toà án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng 10 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 110/2021/HS-ST. N đã chấp hành xong hình phạt tù được trả tự do ngay tại phiên tòa. Tính đến ngày phạm tội 22/6/2019, N là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được đương nhiên xóa án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt từ ngày 25/5/2023. (có mặt)

2. Nguyễn Văn H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 31/8/2005, tại: tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Tổ B, Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn R và bà Phạm Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2023. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Ông Bùi Thới V, Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1998; Địa chỉ: đường D khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1968 và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1967; Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Phạm Thị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 21/02/2023, đối tượng tên G (không rõ lai lịch) rủ Hồ Thanh N đi trộm cắp tài sản, cùng lúc này Nguyễn Văn H cũng đang ở nhà của N nên N rủ H đi tìm tài sản lấy trộm thì tất cả đồng ý. Sau đó, tên G điều khiển xe mô tô hiệu E (không rõ biển số) chở N và H ngồi sau đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi cả ba đi đến trước Công ty C địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B thì tên G dừng xe lại, G và N đứng cạnh giới cho H trèo tường hàng rào vào trong sân của Công ty C. Lần đột nhập này, H không phát hiện tài sản nào để chiếm đoạt nên đã trèo ra ngoài báo cho N. Sau đó N đã yêu cầu H tiếp tục đột nhập lại để xem có tài sản để chiếm đoạt hay không, lúc này N leo vào trước rồi kéo H vào theo sau còn G lúc này tiếp tục đứng cạnh giới. Lần đột nhập thứ 2 thì N và H phát hiện xe mô tô hiệu H, loại V 150 biển số 59N3-326.97 đang để ở trong sân nên N mở cổng cho H lấy trộm xe đem ra chỗ tên G đang đứng. Sau đó, H ngồi trên xe lấy trộm được để cho tên G điều khiển xe mô tô hiệu E chở N ngồi sau dùng chân đẩy xe của H. Khi đi đến bãi đất trống thuộc Tổ S, Ấp M, xã B, huyện B thì dừng lại. Tên G điều khiển xe đi tìm người mua xe, N và H đứng chờ, ngay lúc này có 04 thanh niên (không rõ lai lịch) đi đến chỗ N và H, trong đó có một thanh niên cầm dao bấm đe dọa chém N và H nên cả hai bỏ chạy bộ, để lại xe mô tô V 150 biển số 59N3-326.97. Một lúc sau, N và tên G cùng 02 thanh niên (không rõ lai lịch) là bạn của G quay lại nơi N và H bỏ lại xe thì phát hiện xe trên đã bị mất nên cả nhóm đi về. Chị Trần Thị T không thấy xe mô tô trên ở Công ty nhưng nghĩ là do em chồng chị T mượn xe để đi lại, khi hỏi lại thì không phải, sau khi xem hình ảnh trích xuất camera tại Công ty phát hiện bị mất trộm xe nên ngày 27/02/2023, chị T đến Công an xã T trình báo.

Ngày 02/3/2023, Công an phường H, quận C, thành phố Cần Thơ tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Minh T tại địa chỉ: khu dân cư H, phường H và tạm giữ xe mô tô V 150 biển số 59N3-326.97. Qua tra cứu xác minh nguồn gốc thì được biết xe trên do chị Trần Thị T đứng tên chủ sở hữu. Công an phường H liên hệ xác minh và trao đổi biết được xe trên là vật chứng trong vụ mất trộm tại xã T, huyện B nên bàn giao xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tạm giữ.

Ngày 25/5/2023, Hồ Thanh N đến Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cùng với đối tượng tên G và Nguyễn Văn H trộm cắp xe mô tô V 150 biển số 59N3-326.97. Đến ngày 12/6/2023, Nguyễn Văn H đến Công an xã T, huyện B đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Hồ Thanh N và Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại và tang vật thu giữ, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản kết luận định giá tài sản số 849/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô biển số 59N3-326.97 hiệu H, loại V 150, giá trị còn lại 43.890.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu H, loại V 150, màu xanh đen, biển số 59N3-326.97 do chị Trần Thị T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 30/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe mô tô biển số 59N3-326.97 cho chị T.

- 01 (một) USB bên trong có đoạn video ghi lại hình ảnh vụ trộm tại Công ty C địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bị hại Trần Thị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 224/CT-VKS-BC ngày 07/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Hồ Thanh N, Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hồ Thanh N và Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hồ Thanh N và Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm o Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Hồ Thanh N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, có căn cứ xác định: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 21/02/2023, tại địa chỉ ấp M, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh, Hồ Thanh N và Nguyễn Văn H đã trộm cắp 01 xe mô tô hiệu H có biển số 59N3-326.97 trị giá 43.890.000 đồng của chị Trần Thị T.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Hồ Thanh N và Nguyễn Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Đối với đối tượng tên G cùng N và H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 21/02/2023, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

[6] Đối với 04 thanh niên (không rõ lai lịch) có hành vi dùng dao bấm đe dọa N và H để chiếm đoạt xe mô tô hiệu H, loại V 150, màu xanh đen, biển số 59N3-326.97, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

[7] Đối với Nguyễn Minh T có hành vi mua xe mô tô hiệu H, loại V 150, màu xanh đen, biển số 59N3-326.97 của người đàn ông tên Phát (không rõ lai lịch) nhưng không biết là xe do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý.

[8] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hồ Thanh N có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Văn H có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn H là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hồ Thanh N là người đã có hành vi xúi khiến Nguyễn Văn H đột nhập, tìm kiếm tài sản, khi H không phát hiện tài sản gì để chiếm đoạt, Hồ Thanh N tiếp thúc giục Nguyễn Văn H (là người dưới 18 tuổi khi thực hiện tội phạm) vào lại để tìm kiếm tài sản, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với hành vi mà Hồ Thanh N bị xử phạt 05 tháng 10 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 110/2021/HS-ST ngày 24/6/2021, khi thực hiện hành vi phạm tội, Hồ Thanh N là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 nên theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì Hồ Thanh N được coi là không có án tích đối với lần phạm tội này.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B xử phạt bị cáo Hồ Thanh N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, Hội đồng xét xử nhận thấy có phần nghiêm khắc so với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Đối với đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho bị cáo Nguyễn Văn H hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B và người bào chữa, Hội đồng xét xử nhận thấy giá trị tài sản lớn (43.890.000 đồng); hơn nữa trong vụ án này, đồng phạm của Nguyễn Văn H là bị cáo Hồ Thanh N có nhân thân từng 01 lần bị Toà án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng 10 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” (với giá trị chiếm đoạt thấp hơn, đồng phạm có vai trò không đáng kể) theo Bản án số 110/2021/HS-ST. Do đó cần có mức hình phạt đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B và người bào chữa.

[10] Về xử lý vật chứng:

+ 01 xe mô tô hiệu H có biển số 59N3-326.97 đã trả lại cho chị Trần Thị T.
+ 01 USB bên trong có đoạn ghi hình hành vi trộm cắp tài sản của Hồ Thanh N, Nguyễn Văn H là chứng cứ trong vụ án, tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[11] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Hồ Thanh N, Nguyễn Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm o Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh N: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình năm 2015,

Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có đoạn ghi hình hành vi trộm cắp tài sản của Hồ Thanh N, Nguyễn Văn H.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Hồ Thanh N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- CQTHAHS Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Dũng